

Số: **562** /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày **11** tháng **3** năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (địa chỉ tại số K4/79C đường Nguyễn Tri Phương, khu phố 3, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) xả nước thải vào nguồn nước từ trạm xử lý nước thải mỏ đá xây dựng Tân Cang 1 của Công ty với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Buông đoạn thuộc xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Vị trí xả nước thải: xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°) ra sông Buông:

$$X = 1205229 \quad ; \quad Y = 409801$$

3. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý được dẫn xả ra sông Buông theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $9.700 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. **4**

6. Chất lượng nước thải: thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải ra môi trường không vượt quá quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A, hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$. Cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số và giới hạn tối đa chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	6 đến 9
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3
4	COD	mg/l	60,75
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5
6	Asen	mg/l	0,041
7	Chì	mg/l	0,081
8	Kẽm	mg/l	2,43
9	Cadimi	mg/l	0,041
10	Sắt	mg/l	0,81
11	Mangan	mg/l	0,405
12	Đồng	mg/l	1,62
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
14	Coliform	vi khuẩn/100ml	3.000

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

Điều 2. Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa chỉ được phép xả nước thải vào nguồn nước theo nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.
3. Thực hiện quan trắc nước thải:
 - a) Hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào vận hành trạm quan trắc tự động để quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý tại vị trí sau ao lắng số 1 trước khi ra sông Buông với các thông số quan trắc là: nhiệt độ, pH, TSS, COD và lưu lượng nước thải đầu ra, trước ngày 01 tháng 3 năm 2020.
 - b) Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý theo tần suất một (01) tháng/lần tại vị trí theo quy định tại Điểm a Khoản này với các thông số quy định tại Bảng 1, Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.
4. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; kết nối kết quả quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố, bất thường của hệ thống xử lý nước thải.

6. Định kỳ hằng năm, báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa tại trạm xử lý nước thải mỏ đá xây dựng Tân Cang 1, gửi về Cục Quản lý tài nguyên nước và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo quy định.

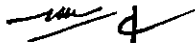
7. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép này.

Điều 3. Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa(02);
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Môi trường;
- Lưu: VT, VPMC, HSCP(02), TNN(02).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân